

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DUY MẠNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DUY MẠNH
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUY MANH SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DUY MANH SERVICES CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109631645

3. Ngày thành lập: 13/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 4, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979702389

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
2.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
3.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: -Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định	4929
4.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: -Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi -Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	4931
5.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: -Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định -Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng -Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
6.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: -Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô -Vận tải hàng hóa đa phương thức	4933(Chính)

7.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: -Cho thuê ô tô; -Cho thuê xe có động cơ khác	7710
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;	5229
9.	Bốc xếp hàng hóa	5224
10.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
11.	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa;	6612
12.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
13.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
14.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
16.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
18.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Đại lý du lịch; - Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);	7912
19.	Đại lý du lịch	7911
20.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);	5610
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn sơn, vécni Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn xi măng	4663
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (không bao gồm hoạt động thiết kế công trình trong ngành nghề này);	7410

24.	In ấn (Không bao gồm: Hoạt động của nhà xuất bản)	1811
25.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);	8230
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ (Không bao gồm: Quầy bar, karaoke, vũ trường, massage, xông hơi thuốc, day huyệt, bấm huyệt, hành nghề y học);	5510
29.	Quảng cáo (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);	7310
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);	7320
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo qui định của pháp luật;	8299
32.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
33.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;	2829
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
36.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự trong ngành nghề này);	4312
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
40.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
41.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
42.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
43.	Chăn nuôi gia cầm	0146
44.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

45.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
46.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
47.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
48.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
49.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
50.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
51.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Nuôi trồng thủy sản nước lợ	0322
52.	Trồng cây ăn quả	0121
53.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
54.	Trồng cây lâu năm khác	0129
55.	Trồng cây hàng năm khác	0119
56.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
57.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
58.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
59.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
60.	Trồng cây mía	0114
61.	Trồng cây lấy sợi	0116
62.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
63.	Xây dựng nhà để ở	4101
64.	Xây dựng nhà không để ở	4102
65.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
66.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
67.	Xây dựng công trình điện	4221
68.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
69.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
70.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
71.	Xây dựng công trình thủy	4291
72.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
73.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
74.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HIỀN	Việt Nam	Thôn Nguyệt Áng, Xã Đại Áng, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	760.000.000	40,000	013294683	
2	THÂN DUY MẠNH	Việt Nam	Khu Thượng Chiểu, Phường Tân Dân, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	1.140.000.000	60,000	142528572	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: THÂN DUY MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 142528572

Ngày cấp: 07/08/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Khu Thượng Chiểu, Phường Tân Dân, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Thượng Chiểu, Phường Tân Dân, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội